

Mật Tạng Bộ 2_ No.996 (Tr.522 _ Tr.524)

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH _MỘT QUYỀN_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_
Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là
Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quang Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa
Môn BÁT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi):

Kinh **Du Già** giải thích rằng: “Tay cầm chày Kim Cương, biểu thị cho: *Bên trong, Tâm đầy đủ Đại Bồ Đề (Mahā-bodhi), bên ngoài biểu thị cho sự tôi phục các phiền não*, cho nên gọi là **Kim Cương Thủ**”

Lại giải thích rằng: “Chẳng bị ba loại **Ma** (Māra) phá hoại, Tự Thể của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) bền chắc thành **Trí Kim Cương** (Vajra-jñāna) là nơi mà tất cả Như Lai đã dựng lập, hay phá **Đoạn Thường Nhị Biên** (Dvaya-anta, hay Anta-dvaya). Chính vì thế cho nên chày Trí Kim Cương phá núi **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), chứng **Kim Cương Định** (Vajra-samādhi), thường giữ gìn ở trong lòng bàn tay, nên gọi là **Kim Cương Thủ**”

Thế nào là nghĩa của **Bồ Đề Tát Đỏa** (Vajra-satva) ? Giác ngộ Pháp chân thật. Giác xong, trụ sinh tử khiến giác ngộ tất cả hữu tình, cho nên gọi là **Bồ Đề Tát Đỏa**”

Lại nói rằng: “**Bồ Đề** (Bodhi) là **Năng Giác**, **Tát Đỏa** (Satva) nghĩa là **Hữu Tình**. Cũng nói là **Tâm** (citta), cũng nói là **Dũng Kiện** (dũng cảm mạnh khỏe)”

Ma Hạ (Mahā) nghĩa là to lớn. **Tát Đỏa** (Satva) nghĩa là dũng kiện, chẳng khiếp nhược. Vô số kiếp trong ba đời gom chứa hai loại **Tư Lương** (Sambhāra), cho nên gọi là **Ma Hạ Tát Đỏa** (Mahā-satva)

Thế nào là **Kim Cương Ma Ni** (Vajra-maṇi) [Đời Đường nói là **báu**]

Kim Cương (Vajra) như lúc trước đã giải tích.

Báu (Maṇi) có sáu nghĩa: Một là khó được, hai là trong sạch không có dơ, ba là có Uy Đức lớn, bốn là trang nghiêm Thế Gian, năm là thù thắng không so sánh được, sáu là biến đổi (biến dịch)

1_ **Khó được**. Vì Như Lai (Tathāgata) hiện ra ở **Thế Gian** (Loka) rất khó gặp gỡ được.

2_ **Trong sạch không có dơ**. Vì y theo Giáo tu hành chứng được Bồ Đề trong sạch không có dơ.

3_ **Uy Đức lớn**. Vì đầy đủ sáu Thần Thông biến hiện tự tại, gọi là uy đức lớn

4_ **Trang nghiêm Thế Gian.** Vì dùng ba loại **Bồ Tát Luật Nghi Giới** nghiêm sức Thân Tâm

5_ **Thù thắng không có so sánh được.** Vì chúng được **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), Tôn quý đặc biệt của ba cõi, thù thắng không có so sánh được

6_ **Không có biến đổi.** Vì chúng được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo không có biến đổi

Kim Cương Ma Ni: Tên theo Hiển Giáo là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva), thế nên vị Bồ Tát này nâng báu Kim Cương

_ **Kim Cương Lợi** (Vajra-tiṣṇa): Cây kiếm Kim Cương sắc bén của **Bát Nhã Ba La Mật** hay chặt đứt tất cả hạt giống của hạt giống phiền não. Kim Cương Lợi, tên gọi theo Hiển Giáo là **Vấn Thủ Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva), thế nên vị Bồ Tát này cầm cây **kiếm Kim Cương** (Vajra-khaḍga)

_ **Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát** (Vajra-yakṣa-bodhisatva):

Nghĩa của **Kim Cương** (Vajra) đã giải thích như lúc trước. **Dược Xoa** (Yakṣa) nghĩa là uy mãnh, cũng có nghĩa là tận hết, là Trí thứ mười lăm trong **Hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-caryā) thuộc 16 Trí Kim Cương, tên gọi là **Kim Cương Tận Trí**. Dùng răng nanh **Kim Cương Dược Xoa Trí** ăn nuốt tất cả **Phiền Não** (Kleśa), **Tùy Phiền Não** (Upakleśa) tận hết không có dư sót

_ **Kim Cương Linh** (Vajra-ghaṃṭa): biểu thị cho nghĩa **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā). Lắc chuông cảnh ngộ **Dị Sinh** (Pṛthag-jana: phạm phu) ngu muội, một lần nghe thấy âm thanh của chuông thời giác ngộ **Bát Nhã Ba La Mật**, tên gọi theo Hiển Giáo là **Tôi Nhất Thiết Ma Oán Bồ Tát**, thế nên vị Bồ Tát này có bàn tay cầm cái **chuông Kim Cương** (Vajra-ghaṃṭa)

_ **Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Vajra-prajña-pāramita-bodhisatva)

Nghĩa của **Kim Cương** (Vajra) đã giải thích như lúc trước. **Ba La Mật Đa** (Pāramita) như nhóm lúc trước đã giải thích, nghĩa là đến bờ bên kia

Nay y theo **Thanh Minh Luận** (Śabda-vidya-sāstra) phân chia câu đề giải thích: “**Ba Lam Y Đa** (Pāramita) thì **Ba Lam** (Pāram) nghĩa là bờ bên kia, **Y Đa** (Ita) nghĩa là bờ bên này”

Do vị Bồ Tát này cầm **bánh xe Kim Cương** (Vajra-cakra). Khi Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) ở cõi bên trên (thượng giới) thành Phật xong thời vị Bồ Tát này thỉnh Đức **Như Lai** (Tathāgata) chuyển bánh xe Pháp của **Kim Cương Thừa** (Vajra-yāna). Do nương vào con thuyền **Bát Nhã** của bánh xe Kim Cương này, từ bờ bên này vận tải vô lượng vô biên hữu tình đến bờ **Vô Trụ Niết Bàn**, tên gọi theo Hiển Giáo là **Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ Tát**

_ **Na mạc la đất-na đất-la dạ gia** (Namaḥ ratna-trayāya) nghĩa là Quy mệnh Tam Bảo

Nếu người trì Kinh này **quy y Phật Bảo** (Namo Buddhāya), liền được Kim Cương Thủ Bồ Tát của **năm Tộc** (Pañca-kulāya) đem vô lượng **quyển thuộc** (Parivāra) thị vệ, gia trì người ấy. Vị Bồ Tát này tôn quý **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) vì Đức Phật từ **Tâm Bồ Đề** mà sinh ra.

Quy mệnh Pháp Bảo (Namo dharmāya) liền được **Thiên Đế Thích** (Śakra Devānām-indra) kèm các quyển thuộc, Trời **Tứ Thiên Vương** (Catvāraḥ mahārājikāḥ) gia hộ. Tại sao thế? Vì khi **Đế Thích** (Indra) bị nguy nạn thời Bát Nhã gia trì hiện được lợi ích, thế nên Thiên Đế Thích tôn quý Pháp Bảo

Quy mệnh Tăng Già (Namo saṃghāya) liền được **A Ca Ni Tra Thiên Vương** (Akaniṣṭha-deva-rāja) kèm với Trời **Ngũ Tịnh Cư** (Pañca-suddhāvāsa) và các quyển thuộc gia hộ người trì Kinh. Vì cõi **Ngũ Tịnh Cư** có Bồ Tát Tăng với chúng Thanh Văn Tăng thường cư ngụ ở cõi Trời ấy, **Hiện Pháp Lạc Trụ** (Dṛṣṭa-dharma-sukha-vihāra: một trong bảy tên Thiên Định), hàng **Phạm Thiên** (Brahma-deva) thấy đều quý trọng.

Na mạc a lý-dạ phệ lộ giả na dã, đát tha nghiệt đa dạ, la-ha đế, tam miệu tam một đà dã (Namaḥ ārya vairocanāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya)

Na mạc (Namaḥ) nghĩa là *Quy mệnh*, cũng nói là *cúi đầu*, cũng nói là *đỉnh lễ*

A lý-dạ (Ārya) nghĩa là *cách xa điều xấu ác*. Phương này (Trung Quốc) hội thích là *bạc Thánh*

Phệ lộ giả na dã (Vairocanāya) nghĩa là *chiếu sáng khắp* (biến chiếu), cũng nói là *mặt trời to lớn* (Đại Nhật). Như mặt trời của Thế Gian chiếu sáng một bên này thì chẳng thể chiếu sáng một bên kia, chiếu sáng ban ngày thì chẳng chiếu sáng ban đêm, chiếu sáng một Thế Giới này thì chẳng thể chiếu sáng Thế Giới khác, nên chỉ được tên gọi là *mặt trời* (Nhật) chứ chẳng được tên gọi là *mặt trời to lớn* (Đại Nhật)

Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là Đại Nhật. **Sắc Thân** (Rūpa-kāya), **Pháp Thân** (Dharma-kāya) vòng khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) với **Hư Không Giới** (Gagana-dhātu), vô biên Thế Giới ở mười phương, khắp đều chiếu sáng. Nếu người biết lợi ích Công Đức của Đức Phật này rồi quy mệnh lễ bái, liền được tất cả chư Phật, Bồ Tát, các Hiền Thánh, tám Bộ trong tận hư không khắp Pháp Giới đều cùng gia trì hộ niệm.

Đát tha nghiệt đa dạ, la-ha đế, tam miệu tam một đà dã (Tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya) nghĩa là Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri. Lúc trước đã giải thích

Na mạc a lý dã (Namaḥ Ārya): đã giải thích

Tam mãn đa bạt nại-la dã (Samanta-bhadrāya) : **Tam mãn đa** (Samanta) nghĩa là *khắp cả* (phổ), **bạt nại-la** (Bhadra) nghĩa là *hiền*, chữ **Đã** (Ya) trong bảy lệ tám chuyên trong **Thanh Minh** (Śabda-vidyā) nói là *tiếng* (Śabda). Bên dưới đồng như vậy.

Vị Bồ Tát này nói **ba Mật Môn, Hạnh Nguyên của Phổ Hiền**. Tất cả chư Phật nếu chẳng tu ba Mật Môn, chẳng thực hành Hạnh Phổ Hiền mà được thành Phật thì không có việc đó. Đã thành Phật xong mà đối với ba Mật Môn, Hạnh Phổ Hiền lại ngưng nghỉ thì cũng không có việc đó.

Mạo địa tát đát-phộc dã (Bodhi-satvāya) : nghĩa là *Bồ Tát*

Ma hạ tát đát-phộc dã (Mahā-satvāya) nghĩa là *Đại Bồ Tát*

Ma hạ ca lỗ nê ca dã (Mahā-kāruṇikāya) là *đáng Đại Bi*

Nếu quy mệnh Thánh Phổ Hiền Bồ Tát, tức chư Phật Bồ Tát ở mười phương thấy đều gia hộ. Tất cả chư Phật, Bồ Tát đều nhân tu ba Mật Môn, thực hành Hạnh Phổ Hiền được chứng Thánh Quả, thế nên tôn quý.

Đát nễ-dã tha (Tadyathā) : người xưa nói là *liền nói, ấy là*
Văn bên trên là **Quy mệnh Tam Bảo, Tỳ Lô Giá Na Phật, Phổ Hiền Bồ Tát**.

Chỉ-nhương na, bát-la nễ bệ (Jñāna pradīve): Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *ngọn đèn Trí* (Trí đăng). Câu theo Mật giải thích nghĩa là *Trí không có chỗ đắc dùng làm phương tiện, không có Trí không có đắc liền thành ngọn đèn Bát Nhã Ba La Mật Đa Trí hay chiếu sáng tất cả Phật Pháp*.

Chữ Ác: trong bản Phạn thì chữ **Ác** này là chữ **A** (𑀅), vì tùy theo câu văn liền hô là **Ác**

Khất-xoa dã, cú thể (kṣāya kuṣe) :

Hiền giải thích nghĩa là *kho tàng không có cùng tận* (Vô Tận Tạng)

Câu theo Mật giải thích chữ **A** là: một chữ làm **chủng tử** (Bīja). Chữ **A** (𑀅) là *tất cả Pháp vốn chẳng sinh*. Chữ A là mẫu của tất cả chữ, hay sinh tất cả Pháp. Nếu có thể hiểu rõ Môn chữ A, tương ứng **Du Già** (Yoga) liền được kho tàng không có cùng tận của Phật Pháp, liền ngộ **tất cả Pháp vốn chẳng sinh** giống như một tướng trong sạch bình đẳng của hư không, liền thành Trí không có phân biệt vậy.

Bát-la đề bà na phộc đề (Pratibhada vati) :

Câu theo Hiền giải thích là *đầy đủ biện tài*

Câu theo Mật giải thích là: Ở trong câu này, lấy một chữ **Bát-la** (𑀅 : Pra) làm chủng tử. Chữ **Bát-la** là Bát Nhã Ba La Mật không có chỗ đắc. Dùng **không có chỗ đắc** làm **phương tiện** (Upāya), ở trong **Hậu Đắc Trí** (Prṣṭha-labdha-jñāna) hiểu thấu *tất cả Pháp nhân duyên sinh các Pháp*, do chứng *tất cả Pháp vốn chẳng sinh* cho nên được kho tàng Phật Pháp không có cùng tận, ở trong **Hậu Đắc Trí** được **bốn Vô Ngại Giải** (Catasrah pratisamvidah: *gồm có Pháp Vô Ngại Giải, Nghĩa Vô Ngại Giải, Từ Vô Ngại Giải, Biện Vô Ngại Giải*), nói Pháp tự tại.

Tát phộc một đà, phược lộ chỉ đế (Sarva buddha avalokite) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *nơi mà chư Phật đã quán sát*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là: một chữ làm chủng tử. Chữ **Tát** (𑖳:Sa) nghĩa là *tất cả Pháp bình đẳng, Năng Duyên* (Lambana) **Sở Duyên** (Ālambana) **bình đẳng bình đẳng** (Samāsama), **Năng Thủ** (Grāhaka) **Sở Thủ** (Grāhya) không có chỗ đặc, liền chứng **Chân Như** (Bhūta-tathatā), ngay ở Pháp tuôn chảy vô biên chư Phật quán sát hộ niệm

Dụ nga, bả lý nễ sáp-bả ninh (Yoga paridiṣpane) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *thành tựu trọn vẹn Du Già* (Du Già viên thành)

Câu theo Mật giải thích chữ **Dụ** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Dụ** (𑖳:Yo) là *tất cả Thừa* (Yāna) *chẳng thể đặc*. Nếu tương ứng với **Du Già Quán Trí**, chứng đắc sự thành tựu trọn vẹn (viên thành), đối với Giáo, Lý, Hành, Quả của các Thừa thầy đều chứng được **Pháp Tính** (Dharmatā) của một Chân Như

Nghiễm ty la nỗ la phộc nga hệ (Gaṃbhīra duravagahe) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *sâu xa khó lường*

Câu theo Mật giải thích chữ **Nghiễm** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Nghiễm** (𑖳:Gaṃ) là *tất cả Pháp Chân Như không có đi không có lại*. Do chứng biến Chân Như, Thật Tướng Bát Nhã chẳng thể đem ra tuyên nói, chỉ có cảnh giới của Phật tự hiểu biết, chứng Thánh Trí

Đê-lý-dã, đặc-phộc (Tryadhva) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *ba đời thành tựu viên mãn*

Câu theo Mật giải thích **Đê-lý-dã** (Chữ Phạn là một chữ), dùng một chữ này làm chủng tử. **Đê-lý-dã** (𑖳:Trya) là *tất cả Pháp thành tựu Tự Tính của nhóm Chân Như bình đẳng, vượt hằng hà sa số Công Đức*. Trong Chân Như không có quá khứ, vị lai, hiện tại, phân biệt hư vọng; chẳng tương ứng với **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha) chấp chặt **Pháp Hữu Vi** (Saṃskṛta-dharma) mê loạn

Mạo địa chất đa, tán nhạ na nễ (Bodhi-citta sajadadi) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *hay sinh Tâm Bồ Đề*

Câu theo Mật giải thích chữ **Mạo** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Mạo** (𑖳:Bo) nghĩa là *tất cả Pháp không có trói buộc*. Nếu biết Tâm Bồ Đề trong thân của mình, Tự Tính thành tựu ba đời bình đẳng, giống như hư không lia các vạn tượng, liền biết Tâm của tất cả hữu tình với Tâm của chư Phật. Như Tâm của mình trong sạch, liền sinh Tâm Đại Bi, sinh thương xót sâu xa, liền khởi mọi loại phương tiện khiến cho tất cả hữu tình đến chỗ cứu cánh, lia khổ, giải thoát, không có cõi mở, không có trói buộc.

Tát phộc tỳ sái ca tỳ sắc cật-đế (Sarva abhiṣaika abhiṣakve) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Tất cả rưới rót được đỉnh đầu*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chung tử. Chữ **Tát** (𑖠 : Sa) nghĩa là *Tất cả Pháp không có nhiễm không có dính mắc*. Do quán sát ta người với Tâm của chư Phật đồng một Chân Như, đồng Thể Đại Bi, thế nên chẳng nhiễm chẳng dính mắc. Tức nước Pháp của tất cả Như Lai ở trong hư không rót vào đỉnh đầu, liền được **ba Nghiệp gia trì**, đối với vô lượng kho tàng **Tu Đa La** (Sūtra: Kinh) nói Pháp tự tại

— **Đạt ma, sa nga la, tam bộ đế** (Dharma sāgra sambhūte) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Biển Pháp sinh ra*

Câu theo Mật giải thích chữ **Đạt** là một chữ làm chung tử. Chữ **Đạt** (𑖡 : Dha) nghĩa là *Tất cả Pháp Giới không có chỗ đặc*. Do trụ Tâm không có chỗ đặc thì hạt giống **Câu Sinh Ngã Cháp**, **Câu Sinh Pháp Cháp** trong **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñāna: Tầng Thức) bị cây kiếm Kim Cương sắc bén của Đại Thánh **Văn Thù** chặt đứt hẳn không có dư sót, liền tuôn ra Giáo Pháp **Đẳng Lưu** (Niṣyanda) của Pháp Giới trong sạch, tức thành nghĩa của *biển Pháp sinh ra*. Chữ **Đạt** (𑖡 : Dha) là chung tử của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

— **A mộ già, thất-la phộc ninh** (Amogha śravaṇi)

Câu theo Hiền giải thích **A Mộ Già**, người xưa giải thích nghĩa là *chẳng trống rỗng* (bất không)

Nay y theo **Thanh Minh Luận** giải thích nghĩa là *không có gián đoạn*. Chữ **A** là một chữ làm chung tử. Chữ **A** (𑖢) là *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, xưa nay Niết Bàn* (Nirvāṇa). Do chứng **Giải Thoát Pháp Ấn** này, vòng khắp Pháp Giới với các cõi Phật, trong Đại Tập Hội ở trước mặt Đức Phật được nghe Giáo Pháp thầy đều trụ trì, vĩnh viễn chẳng quên mất

— **Ma hạ tam mãn đa bạt nại-la, bộ di, niết lý-dã đế** (Mahā samanta-bhadra bhūmi nirjate) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *sinh ra Đại Phổ Hiền Địa*

Câu theo Mật giải thích chữ **Ma** là một chữ làm chung tử. Chữ **Ma** (𑖣) nghĩa là *Tất cả Pháp không có cái Ta* (vô ngã). **Vô Ngã** (Anātman) có hai loại là **Nhân Vô Ngã**, **Pháp Vô Ngã**. Bạc Du Già chứng hai Vô Ngã, liền sinh ra **Đại Phổ Hiền Địa** (Mahā-samanta-bhadra-bhūmi), chứng Pháp Thân trăm Phước trang nghiêm trong sạch viên mãn của Tỳ Lô Giá Na.

— **Vĩ-dã yết la noa, bả lý bát-la bả nễ** (Vyakaraṇa pariprāpti)

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Đắc được sự ghi nhận riêng* (ký biệt). Văn xưa nghĩa là **Thọ Ký**

Câu theo Mật giải thích **Vĩ-dã** là một chữ làm chung tử. Chữ **Vĩ-dã** (𑖤 : Vya) là *Tất cả Pháp tràn đầy khắp không có chỗ đặc*. Tức biết **Tự Tính Tịch Tĩnh**, **Tự Tính Niết Bàn** của tất cả Pháp. Năng Chứng (người chứng), Sở Chứng

(chỗ chứng) đều đồng một Tính, chẳng tăng thêm chẳng giảm bớt, chứng trọn đủ Pháp Giới

Tát phộc tất đà, na ma tắc-cật-ly đế (Sarva siddha namaskṛte) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *tất cả bậc thành tựu lễ kính*. Bậc thành tựu là tên gọi khác của Bồ Tát

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chung tử. Chữ **Tát** (𑖦:Sa) nghĩa là *Tất cả pháp không có bền chắc*. Niệm niệm bốn Tướng biến hóa diệt hoại. Trong chữ **Tát** có chữ **A** (𑖦). Nếu chúng Môn chữ **A** xưa nay chẳng sinh chẳng diệt, cũng luôn luôn bền chắc ví như Tâm Kim Cương được tự tại, hay hiện mọi loại Thân.

Tát phộc mạo địa tất đất-phộc, tán nhạ na nễ (Sarva bodhi-satva sajadadi) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Sinh ra tất cả Bồ Tát*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chung tử. Chữ **Tát** (𑖦:Sa) nghĩa là *Tất cả Pháp không có đẳng cấp*. Do quán chữ này thì Tâm cùng với Bát Nhã bình đẳng bình đẳng, sát na trước sát na sau đồng một Tướng trong sạch, hay sinh tất cả Ba La Mật, tất cả Địa. Tức gọi là **Bát Nhã Phật Mẫu**.

Bà nga phộc đế, một đà ma đế (Bhagavate buddha-māte)

Câu theo Hiền giải thích là *Thế Tôn Phật Mẫu*. **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) là tiếng của Nam, **Bà Già Phộc Đế** (Bhagavatī) là tiếng của Nữ. Cả hai đều hội ý giải thích nghĩa là **Thế Tôn**

Y theo **Thanh Minh** đối dịch giải thích thời chẳng như vậy. **Bà Già** (Bhaga) nghĩa là *phá*, **Phạm** (Vaṃ) nghĩa là *hay, có thể* (năng). Hay phá bốn Ma thì gọi là **Bà Già Phạm**

Lại có một cách giải thích là **Bạc A Phạm**. Y theo **Thanh Luận** phân chia chữ, giải thích **Bạc** là *phá*, **A Phạm** là *biết đầy đủ*

Chữ **A** nói là *chẳng có*, cũng nói là *chẳng không có*. Do Đức Phật hiểu thấu *Tất cả Pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đi chẳng đến, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng thêm chẳng bớt*. Đức Phật có Công Đức như vậy, cho nên gọi là **Bạc Già Phạm**

Lại giải thích rằng **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) có đủ hai loại tư lương **Phước** (Puṇya) **Trí** (Jñāna). Hai loại tư lương (Sambhāra) là **Bà Nga Phộc Đế** (Bhagavatī) nghĩa là *tiếng của nữ*, giải thích như lúc trước

Câu theo Mật giải thích chữ **Bà** là một chữ làm chung tử. Chữ **Bà** (Bha) là *Tất cả Pháp Hữu chẳng thể đắc*. **Hữu** (Bhava) nghĩa là **ba Hữu** (ba cõi), cho nên **ba cõi duy Tâm**. Do Tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, do Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh.

Nếu y theo Hiền Giáo, quán hành **Bát Nhã**, tác làm **Sinh Nhân** (Mâm nhân để sinh ra Quả), **Hiển Nhân** (Mâm Nhân để hiển lộ quả) hay sinh ra tất cả Phật Bồ Tát, thế nên có tên gọi là **Phật Mẫu** (Buddha-Māta)

Từ lúc trước liền nói, phần sau đến câu của Phật Mẫu. Ở trong **Du Già Giáo** (Yoga-sāstra), thành 16 Hạnh của **Phổ Hiền Hạnh** (Samanta-bhadra-caryā) như 16 Hạnh trong **Kiến Đạo** (Darśana-mārga) của **Thanh Văn Thừa** (Śrāvaka-yāna)

_ A la nãi, ca la nãi, A la noa, ca la nãi (Araḍai karaḍai araḍa karaḍa)

Môn chữ A (𑖀) là *tất cả Pháp vốn chẳng sinh*

Do biết tất cả Pháp vốn chẳng sinh, liền nhập vào tất cả Pháp lia bụi bặm. Thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) nghĩa là *Tất cả Pháp lia bụi bặm*

Do biết tất cả Pháp lia bụi bặm, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có kiện cãi, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍai) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖀:Ka) là *Tất cả Pháp không có tạo làm.*

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp trong sạch, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) là *Tất cả Pháp trong sạch.*

Do biết tất cả Pháp trong sạch, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, thế nên Môn chữ **A** (𑖀:A) là *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng.*

Do biết tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có dơ bẩn, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) nghĩa là *Tất cả Pháp không có dơ bẩn.*

Do biết tất cả Pháp không có dơ bẩn, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖀:Ka) là *Tất cả Pháp không có tạo làm.*

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền nhập vào Trí không có phân biệt, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) là *Tất cả Pháp không có phân biệt.*

Do biết tất cả Pháp không có phân biệt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có lay động, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có lay động.*

Do biết tất cả Pháp không có lay động, cho nên liền nhập vào **Ma Hạ Bát Nhã Ba La Mật** (Mahā-prajñā pāramitā)

_ Ma hạ bát-la chỉ-nhương, bá la nhĩ đế (Mahā-prajñā pāramite)

Câu theo Hiên giải thích là *Ma Hạ Đại Tuệ đến bờ bên kia*. Vì chúng được Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nương tựa Vô Trụ Niết Bàn

_ Sa-phộc hạ (Svāhā)

Câu theo Hiên giải thích là *Vô Trụ Niết Bàn*, tức nương tựa Vô Trụ Niết Bàn cho đến bờ mé vị lai, rộng lợi lạc cho vô biên hữu tình.

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH
(Giải thích **Nhân Vương Bát Nhã Đà La Ni**)
MỘT QUYỀN (Hết)

Ghi chú: NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI

नमो रत्नत्रयै

Namo ratna-trayāya

नमो ऋषे वीरवन्द्ये गण्डर्गण्डके सम्यक्सम्बुद्धे

Namaḥ ārya vairocānāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

नमो ऋषे समन्तबुद्धे जलसङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे

Namaḥ ārya samanta-bhadrāya bodhi-satvāya mahā-satvāya mahā-kāraṇikāya

गुणैः पूज्यं प्रदीपं अक्षयं कुण्डं प्रदीप्यं तत्र सत्
बुद्धवत्सङ्घे यथा चरन्त्येव गन्तव्यं इत्येवम् अथ चरन्त्येव
जलसङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे
मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे
मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे मत्सङ्घे

Tadyathā: Jñāna pradīve akṣāya kuṣe_ pratibhada vati_ sarva
buddha avalokite yoga paridiṣpane gaṃbhīra_ Duravagahe tryadhva
paridiṣpane_ bodhi-citta sajadadi_ sarva abhiṣaika abhiṣakve_ Dharma
sāgra saṃbhūte_ amogha śravaṇi_ mahā samanta-bhadra bhūmi nirjate_
vyakaraṇa pariprāpti_ sarva siddha namaskṛte_ sarva bodhi-satva
sajadadi_ bhagavate buddha māte

आरादाय करुणाय आरादाय करुणाय

Araḍai karaḍai araḍa karaḍa

महाप्रज्ञाय परमिताय महा

Mahā-prajñā pāramite svāhā

23/12/2011